CTCP Hàng tiêu dùng MASAN (UPCOM: MCH)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	199,000 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	2.0%	-1.8%	60.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	65,561 - 203,192
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	144,203
Số lượng CPLH (CP)	724,637,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)	104,710
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	1.08
EPS	10,693
P/E	18.6

Tỷ suất lợi nhuận

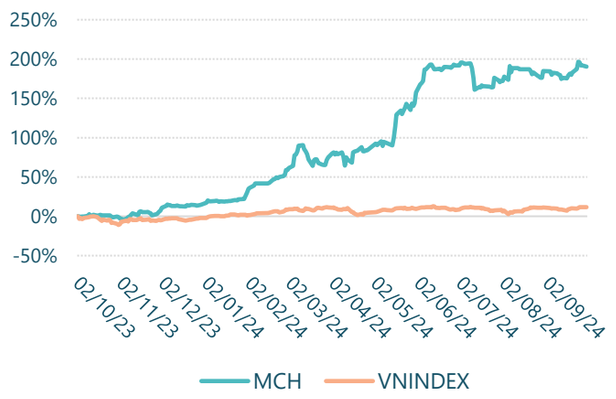

Doanh thu thuần

Q3/24

7,987

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 599 | 8.1%

YoY: ▲ 754 | 10.4%

Nợ/VCSH

Q3/24

189%

YoY: +/-▲ 149%

LN gộp

Q3/24

3,736

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 320 | 9.4%

YoY: ▲ 366 | 10.9%

ROE (TTM)

Q3/24

38.8%

YoY: +/-▲ 11.8%

LN trước thuế

Q3/24

2,377

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 342 | 16.8%

YoY: ▲ 316 | 15.3%

ROA (TTM)

Q3/24

18.6%

YoY: +/-▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh Q3/24

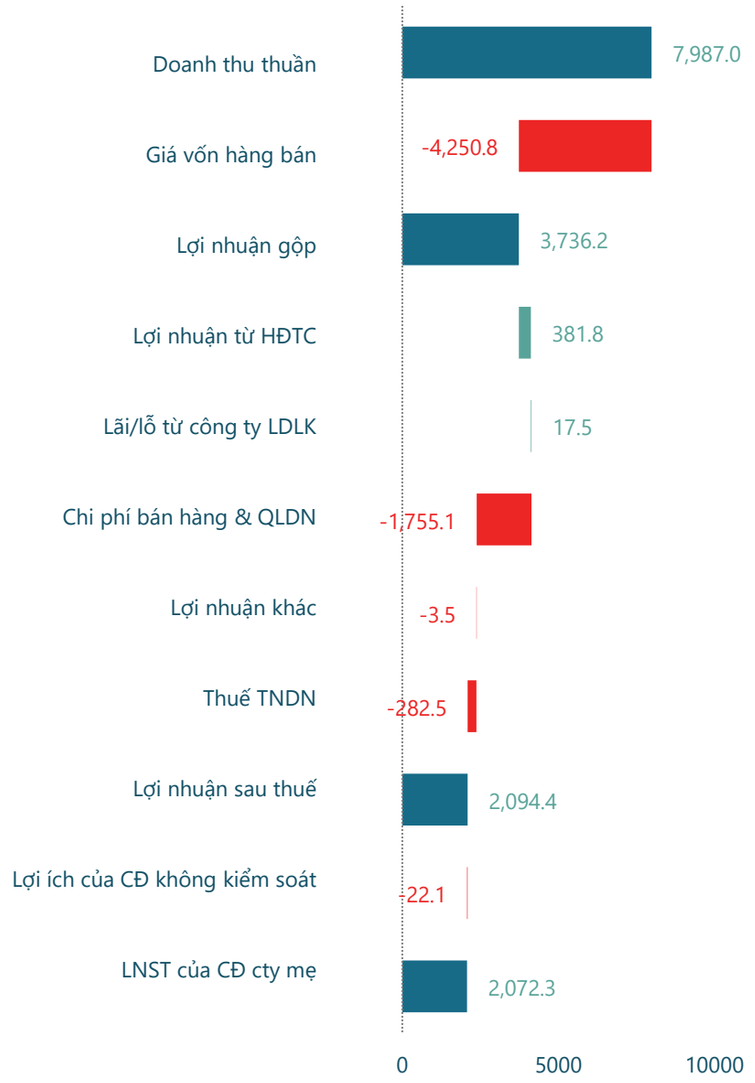

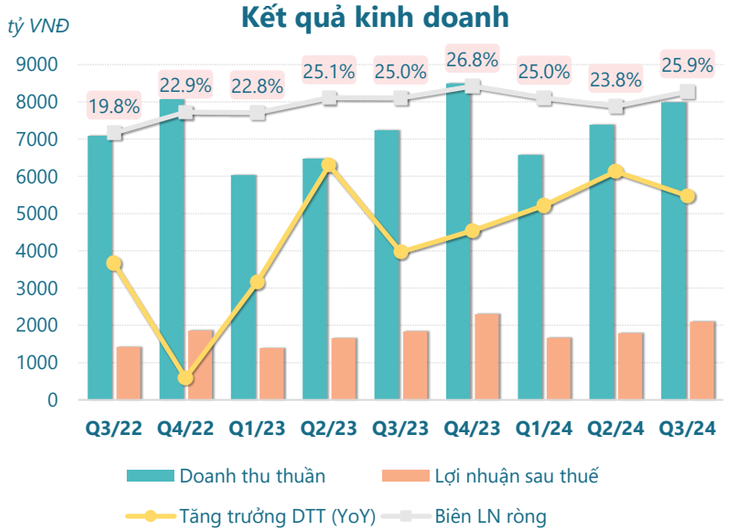

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 2,380 tỷ đồng**, tăng thêm 17.0% so với kỳ trước và cao hơn 15.6% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 381.8 tỷ đồng**, tăng thêm 1.31% so với kỳ trước và cao hơn 16.0% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 3.48 tỷ đồng** giảm đi 301% so với kỳ trước và thấp hơn 362% so với cùng kỳ năm trước.

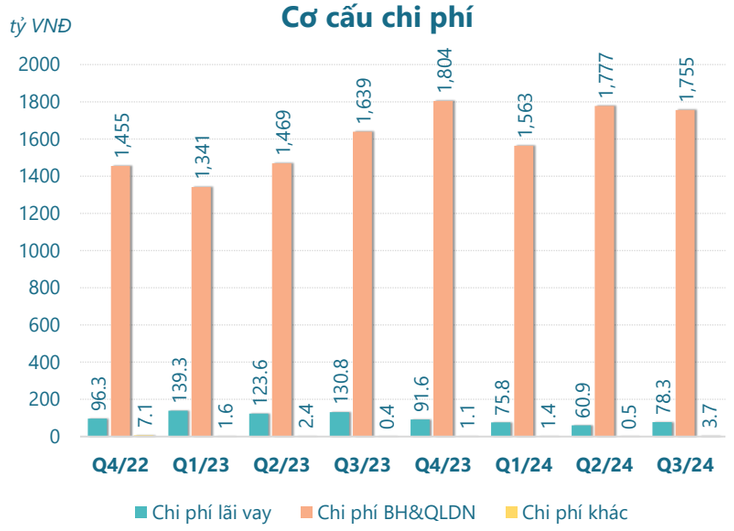

Kết quả kinh doanh của **MCH** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **7,987 tỷ đồng** tăng thêm **10.4%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 2,094 tỷ đồng**, **tăng trưởng 13.8%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **21,955 tỷ đồng** cao hơn 11.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5,553 tỷ đồng** cao hơn 13.6% so với cùng kỳ năm trước.

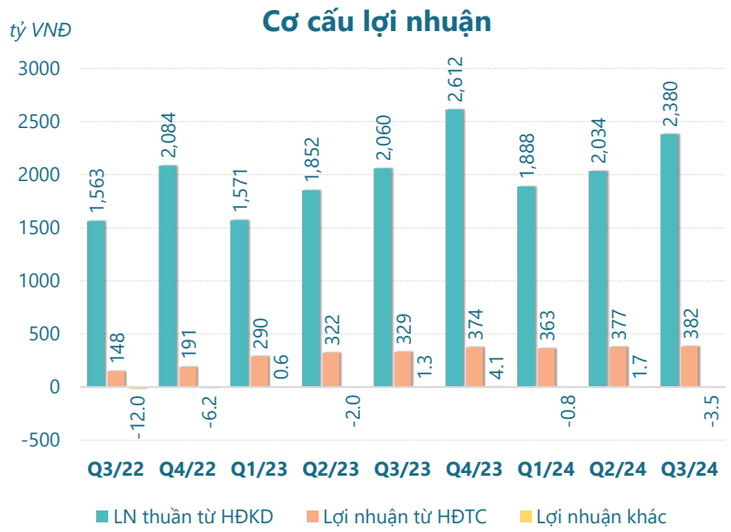

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **78.32 tỷ đồng** tăng thêm 28.5% so với kỳ trước và thấp hơn 40.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1,755 tỷ đồng** giảm đi 1.24% so với kỳ trước và cao hơn 7.09% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **3.68 tỷ đồng** tăng thêm 581% so với kỳ trước và cao hơn 776% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Hàng tiêu dùng MASAN (UPCOM: MCH)

FireAnt
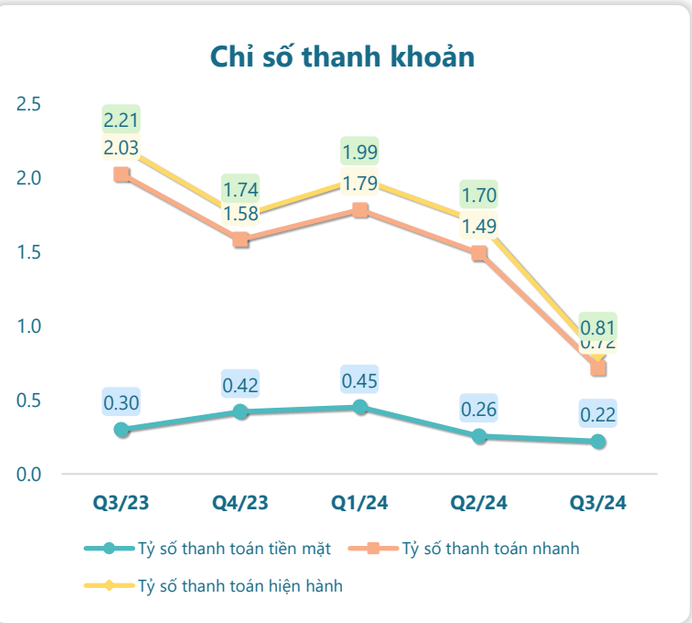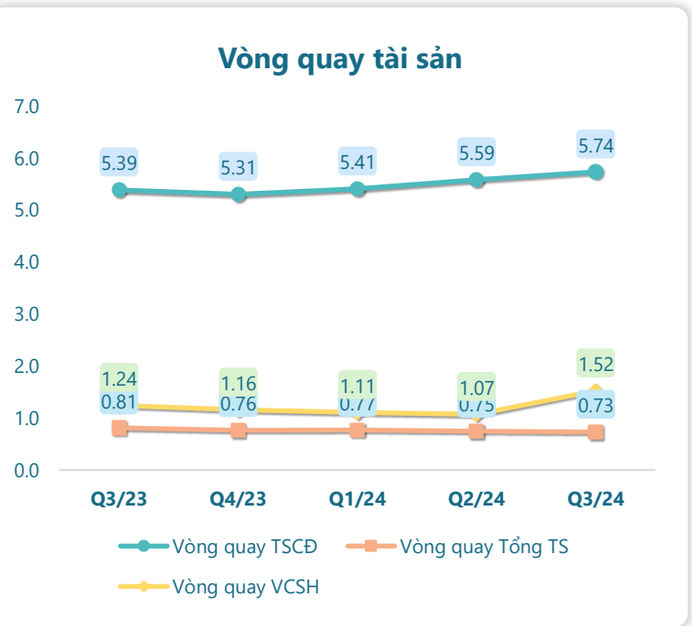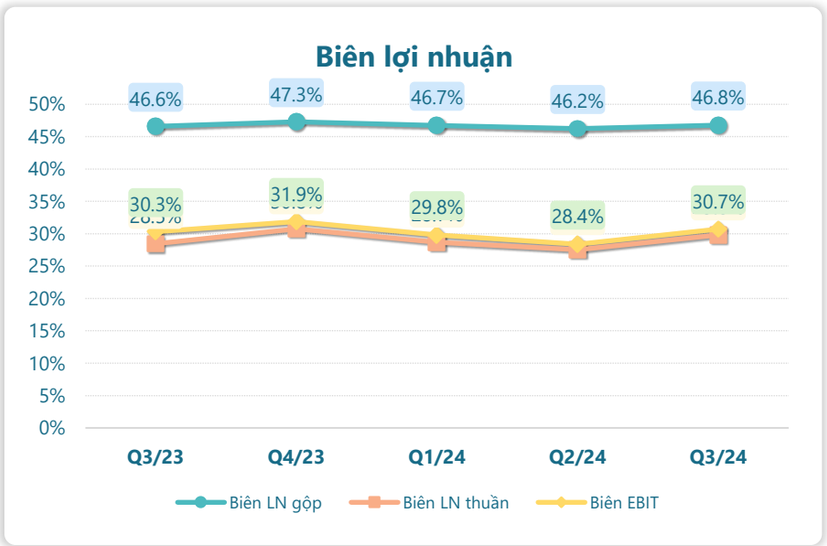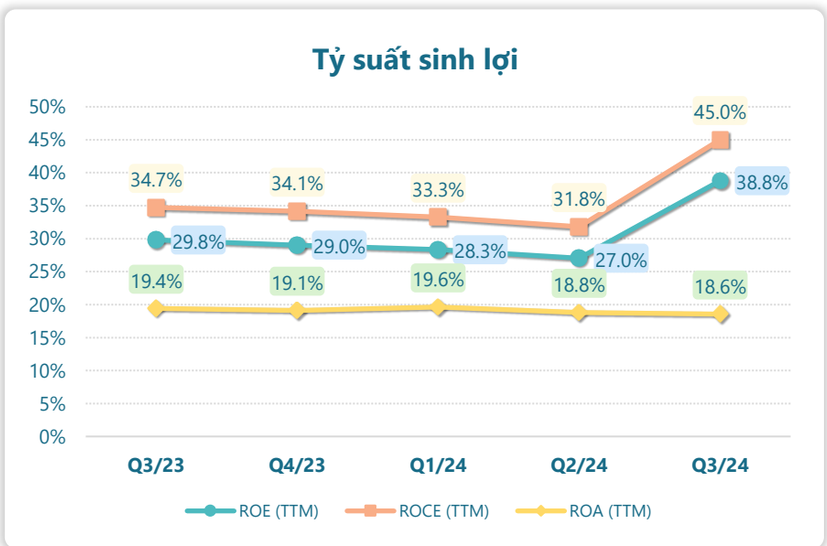
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**7,987**	**7,388**	**8.1%**	**7,233**	**10.4%**	**21,955**	**19,748**	**11.2%**
Giá vốn hàng bán	4,251	3,971	7.0%	3,864	10.0%	11,727	10,790	8.7%
Lợi nhuận gộp	3,736	3,416	9.4%	3,370	10.9%	10,228	8,957	14.2%
Doanh thu HĐTC	471	455	3.6%	483	-2.5%	1,372	1,373	-0.1%
Chi phí TC	89.4	78.2	14.3%	154	-42.0%	251	432	-41.9%
Chi phí lãi vay	78.3	60.9	28.6%	131	-40.2%	215	394	-45.4%
LN trong công ty LKLD	**17.5**	**17.5**	**0.2%**	**0.00**		**47.5**	**33.8**	**40.8%**
Chi phí bán hàng	1,545	1,512	2.2%	1,411	9.5%	4,416	3,776	16.9%
Chi phí QLDN	**210**	**265**	**-20.8%**	**228**	**-8.0%**	**679**	**673**	**0.9%**
LN thuần từ HĐKD	2,380	2,034	17.0%	2,060	15.6%	6,302	5,483	14.9%
Lợi nhuận khác	**-3.48**	**1.73**	**-301%**	**1.33**	**-362%**	**-2.53**	**-0.04**	**-6741%**
LN trước thuế	2,377	2,035	16.8%	2,061	15.3%	6,300	5,483	14.9%
Lợi nhuận sau thuế	**2,094**	**1,789**	**17.1%**	**1,840**	**13.8%**	**5,553**	**4,888**	**13.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2,072**	**1,757**	**17.9%**	**1,810**	**14.5%**	**5,474**	**4,810**	**13.8%**